Tổng CTCP Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam (VEA - UPCoM)

Báo cáo nhanh

Ngày 21/8/2023

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ45,000
Tiềm năng tăng/giảm: 18.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/8/2023)	38,100
Mã Bloomberg	VEA VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	34,300-42,187
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	39,225
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	50,627
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,110
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,329
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	651
Slg CP NN được mua (tr.đv)	582
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	5.20%
Tỷ lệ freefloat	11.5%
Cổ đông lớn	Bộ Công Thương (88.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

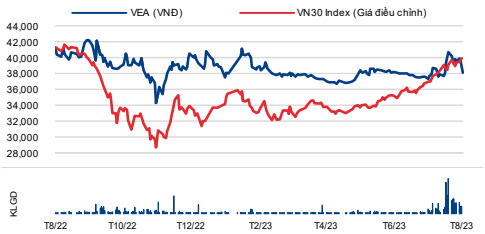

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	4,748	4,890	5,037
EBITDA đc (tỷ đồng)	7,263	5,915	6,432
LNTT (tỷ đồng)	7,852	6,431	6,923
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,599	6,194	6,667
FCF (tỷ đồng)	101	(199)	306
EPS ĐC (đồng)	5,719	4,661	5,017
DPS (đồng)	3,734	5,664	4,638
BVPS (đồng)	18,987	19,957	19,358
T.trưởng EBITDA (%)	30.8	(18.6)	8.73
T.trưởng EPS ĐC (%)	32.1	(18.1)	7.64
Tăng trưởng DPS (%)	(16.9)	51.7	(18.1)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	153	121	128
Tỷ suất LNTT (%)	165	132	137
Tỷ suất LNT ĐC (%)	160	127	133
Tỷ lệ LN trả CT (%)	65.3	121	92.0
Nợ thuần/VCSH (%)	2.95	0.84	5.38
ROAE (%)	31.1	24.1	25.7
ROACE (%)	28.5	21.6	23.3
EV/doanh thu (lần)	23.8	23.0	22.6
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.6	19.0	17.7
P/E ĐC (lần)	6.66	8.17	7.59
P/B (lần)	2.01	1.91	1.97
Lợi suất cổ tức (%)	9.80	14.9	12.2

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VEAM nắm cổ phần tại các liên doanh hàng đầu về sản xuất ô tô và xe máy tại Việt Nam (Honda, Toyota và Ford) và sản xuất máy nông nghiệp

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 7/2023: Doanh số hồi phục chậm

- Nhìn chung, doanh số phương tiện tháng 7/2023 tại Việt Nam tiếp tục giảm so với cùng kỳ đối với cả xe máy và ô tô, trong khi doanh số so với tháng trước có diễn biến trái chiều.
- Đối với VEA, doanh số xe máy giảm 7% so với cùng kỳ trong khi tổng doanh số ô tô của Toyota, Honda và Ford giảm 1% so với cùng kỳ. So với tháng trước, doanh số xe máy cải thiện 14%, trong khi doanh số ô tô không cải thiện, chủ yếu do Toyota không còn nhiều hàng tồn kho xe lắp ráp trong nước.
- Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu sẽ hồi phục rõ ràng hơn từ giờ tới cuối năm. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu là 45.000đ (tiềm năng tăng giá là 18%).

Sự kiện: Công bố doanh số phương tiện tháng 7/2023

Doanh số phương tiện tháng 7/2023 tại Việt Nam tiếp tục giảm so với cùng kỳ đối với cả xe máy và ô tô, trong khi doanh số so với tháng trước có diễn biến trái chiều. Nhu cầu hồi phục vẫn chậm do nền kinh tế Việt Nam vẫn chưa cho thấy những dấu hiệu cải thiện đáng kể.

Xe máy: Doanh số của Honda cải thiện so với tháng trước

Doanh số Honda (VEA sở hữu 30% cổ phần) giảm 7% so với cùng kỳ xuống 152.764 xe (nhưng tăng 14% so với tháng trước). Nhu cầu không được hỗ trợ do thiếu chính sách hỗ trợ cho ngành.

Trong 7 tháng đầu năm 2023, doanh số xe máy của Honda giảm 7% so với cùng kỳ xuống 1.156.855 xe, sát với dự báo của chúng tôi. Chúng tôi hiện dự báo doanh số xe máy của Honda sẽ giảm 10% so với cùng kỳ xuống 2.167.116 xe.

Ô tô: doanh số liên doanh giảm so với tháng trước do doanh số Toyota yếu

Tổng doanh số ô tô của Việt Nam trong tháng 7/2023 – dựa trên số liệu của VAMA, TC Motor, Vinfast và Mercedes – giảm 17% so với cùng kỳ xuống 32.195 xe (đi ngang so với tháng trước).

Trong số 3 hãng xe lớn nhất, doanh số của Toyota (VEA sở hữu 20% cổ phần) và Huyndai đều giảm 30% so với cùng kỳ (giảm lần lượt 25% và 21% so với tháng trước), trong khi doanh số của Thaco (Tư nhân/Chưa niêm yết) giảm nhẹ 3% so với cùng kỳ (tăng 12% so với tháng trước). Đối với VEA:

- Trong khi nhu cầu vẫn ở mức thấp mặc dù chính sách miễn giảm 50% lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước được ban hành, doanh số của Toyota trong tháng 7/2023 kém tích cực chủ yếu do thiếu hàng tồn kho xe lắp ráp trong nước. Toyota nổi tiếng là hãng xe quản lý hàng tồn kho thận trọng và đã giảm hàng tồn kho xuống mức thấp trong giai đoạn nhu cầu yếu trong nửa đầu năm..

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Doanh số xe máy T7/2023, Honda

Doanh số xe máy Honda giảm 7% so với cùng kỳ xuống 152.764 xe

Xe	T7/22	T7/23	% y/y	7T/22	7T/23	% y/y
Honda	164,273	152,764	-7.0%	1,244,252	1,156,855	-7.0%

Nguồn: Honda

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

- Ngược lại, doanh số của Ford (VEA sở hữu 25% cổ phần) tăng mạnh 98% so với cùng kỳ và 1% so với tháng trước đạt 3.150 xe. Doanh số của Ford tăng mạnh kể từ đầu năm nhờ nhu cầu đối với cả các mẫu xe truyền thống và các mẫu xe mới.
- Trong khi đó, doanh số của Honda tăng 7% so với cùng kỳ và 13% so với tháng trước đạt 1.597 xe.

Từ đó, tổng doanh số của các liên doanh của VEA giảm 11% so với tháng trước xuống 8.682 xe (giảm 1% so với cùng kỳ), do doanh số Toyota sụt giảm vượt mức tăng doanh số của Honda và Ford.

Trong 7 tháng đầu năm 2023, tổng doanh số ô tô giảm 29% so với cùng kỳ xuống 210.380 xe, trong khi doanh số của các liên doanh của VEA giảm nhẹ hơn ở mức 24% so với cùng kỳ xuống 63.013 xe (nhờ Ford).

Lưu ý, nhu cầu toàn ngành phục hồi chậm trong tháng 7/2023 bất chấp chính sách miễn giảm 50% lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước do chúng tôi nhận thấy tình hình kinh tế trong nước chưa cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng sự phục hồi sẽ rõ ràng hơn từ giờ tới cuối năm khi nền kinh tế phục hồi do mặt bằng lãi suất giảm.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì dự báo và giá mục tiêu là 45.000đ (tiềm năng tăng giá là 18%). VEA đang giao dịch với P/E dự phóng 2023 và 2024 lần lượt là 8,5 lần và 7,9 lần, tương đương P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,3 lần, thấp hơn so với mức bình quân trong quá khứ là 9,1 lần (tính từ năm 2019).

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với VEA nhờ định giá rẻ và lợi suất cổ tức cao. Lưu ý, VEA sẽ chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận năm 2022 là 3.734đ/cp vào cuối năm nay (lợi suất cổ tức là 9,5%) và cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận năm 2023 là 5.664đ/cp trong năm tới (lợi suất cổ tức là 14,4%).

Bảng 2: Doanh số ô tô T7/2023 và 7 tháng đầu năm 2023, Việt Nam

Tổng doanh số ô tô trong T7/2023 –giảm 17% so với cùng kỳ xuống 32.195 xe (đi ngang so với tháng trước).

Xe	T7/22	T7/23	% y/y	7T/22	7T/23	% y/y
Tổng thị trường	**38,793**	**32,195**	**-17.0%**	**295,387**	**210,380**	**-28.8%**
VAMA	**24,461**	**22,870**	**-6.5%**	**209,928**	**145,496**	**-30.7%**
Liên doanh VEA	8,786	8,682	-1.2%	82,661	63,013	-23.8%
Toyota	5,707	3,935	-31.0%	49,694	31,355	-36.9%
Honda	1,487	1,597	7.4%	21,678	11,085	-48.9%
Ford	1,592	3,150	97.9%	11,289	20,573	82.2%
Tổng Thaco	8,721	8,428	-3.4%	83,201	50,035	-39.9%
Kia	4,039	3,570	-11.6%	39,524	20,811	-47.3%
Mazda	2,125	3,135	47.5%	21,580	17,224	-20.2%
Cty Thaco PC khác	795	381	-52.1%	8,116	2,515	-69.0%
Thaco CV	1,864	1,342	-28.0%	13,981	9,485	-32.2%
Mitsubishi	4,245	3,518	-17.1%	22,361	16,365	-26.8%
VAMA khác	2,709	2,242	-17.2%	21,705	16,083	-25.9%
Ngoài-VAMA	**14,332**	**9,325**	**-34.9%**	**85,459**	**64,884**	**-24.1%**
Hyundai	5,792	4,035	-30.3%	42,189	32,046	-24.0%
VinFast	2,137	3,042	42.3%	16,832	14,680	-12.8%
Mercedes	610	431	-29.4%	4,273	1,640	-61.6%
Cty khác ngoài-VAMA (CBUs)	5,793	1,817	-68.6%	22,165	16,518	-25.5%

Nguồn: VAMA, TC Motor, VinFast, Mercedes

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	4,019	4,748	4,890	5,037	5,188
Lợi nhuận gộp	565	651	587	604	623
Chi phí BH&QL	(492)	(660)	(685)	(705)	(726)
Thu nhập khác	5,177	6,984	5,686	6,199	6,591
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	**5,249**	**6,976**	**5,588**	**6,098**	**6,487**
Lãi vay thuần	707	795	776	753	775
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(14.1)	81.5	66.7	71.8	76.1
LNTT	**5,942**	**7,852**	**6,431**	**6,923**	**7,338**
Chi phí thuế TNDN	(148)	(183)	(149)	(160)	(170)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(42.5)	(70.0)	(57.3)	(61.7)	(65.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	**5,752**	**7,599**	**6,225**	**6,701**	**7,103**
Lợi nhuận thuần ĐC	**5,742**	**7,599**	**6,194**	**6,667**	**7,068**
EBITDA ĐC	**5,552**	**7,263**	**5,915**	**6,432**	**6,828**
EPS (đồng)	4,328	5,719	4,685	5,043	5,346
EPS ĐC (đồng)	4,321	5,719	4,661	5,017	5,319
DPS (đồng)	4,494	3,734	5,664	4,638	4,992
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	5,249	6,976	5,588	6,098	6,487
Khấu hao	(303)	(287)	(327)	(334)	(341)
Lãi vay thuần	707	795	776	753	775
Thuế TNDN đã nộp	(162)	(153)	(149)	(160)	(170)
Thay đổi vốn lưu động	(307)	(81.2)	(1,092)	(558)	(575)
Khác	(114)	(108)	0	0	0
LCT thuần từ HĐKD	**(280)**	**101**	**(199)**	**306**	**309**
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	(61.9)	(131)	(123)	(127)	(130)
Thanh lý	9.25	0.44	0	0	0
Khác	8,294	5,273	5,804	6,187	6,578
LCT thuần từ HĐĐT	**8,241**	**5,143**	**5,681**	**6,060**	**6,448**
Cổ tức trả cho CSH	(8,069)	(5,997)	(4,962)	(7,526)	(6,163)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	83.7	767	(713)	9.04	9.31
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	**(7,985)**	**(5,230)**	**(5,675)**	**(7,517)**	**(6,154)**
Tiền & tương đương tiền đầu kì	306	280	294	102	(1,049)
LCT thuần trong kỳ	**(24.5)**	**14.0**	**(192)**	**(1,150)**	**603**
Ảnh hưởng của tỷ giá	(1.92)	0.59	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	**279**	**295**	**102**	**(1,049)**	**(445)**
Dòng tiền tự do	**(280)**	**101**	**(199)**	**306**	**309**

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	279	294	102	(1,049)	(445)
Đầu tư ngắn hạn	11,802	12,593	12,714	13,095	13,488
Phải thu khách hàng	3,603	3,636	4,401	4,533	4,669
Hàng tồn kho	1,472	1,541	1,721	1,773	1,826
Các tài sản ngắn hạn khác	131	146	147	151	156
Tổng tài sản ngắn hạn	**17,287**	**18,209**	**19,085**	**18,504**	**19,694**
TSCĐ hữu hình	1,821	1,661	1,443	1,220	992
TSCĐ vô hình	74.6	70.7	79.9	90.1	101
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	472	510	391	403	415
Đầu tư vào Cty LD,LK	5,249	6,893	6,893	6,893	6,893
Tài sản dài hạn khác	97.5	111	119	125	131
Tổng tài sản dài hạn	**7,714**	**9,246**	**8,926**	**8,730**	**8,532**
Tổng cộng tài sản	**25,001**	**27,455**	**28,011**	**27,235**	**28,226**
Nợ ngắn hạn	248	1,014	301	310	320
Phả trả người bán	327	394	391	403	415
Nợ ngắn hạn khác	575	656	638	638	638
Tổng nợ ngắn hạn	**1,250**	**2,169**	**1,436**	**1,457**	**1,478**
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	44.8	43.6	43.6	43.6	43.6
Nợ dài hạn khác	15.0	12.3	11.7	11.7	11.7
Tổng nợ dài hạn	**59.8**	**55.9**	**55.4**	**55.4**	**55.4**
Tổng nợ phải trả	**1,310**	**2,225**	**1,491**	**1,512**	**1,534**
Vốn chủ sở hữu	23,691	25,230	26,519	25,722	26,693
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	**23,691**	**25,230**	**26,519**	**25,722**	**26,693**
Tổng nợ phải trả và VCSH	**25,001**	**27,455**	**28,011**	**27,235**	**28,226**
BVPS (đ)	17,829	18,987	19,957	19,358	20,088
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(31.7)	720	200	1,359	765

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.0	13.7	12.0	12.0	12.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	138	153	121	128	132
Tỷ suất LNT (%)	143	160	127	133	137
Thuế TNDN hiện hành (%)	2.49	2.33	2.31	2.31	2.31
Tăng trưởng doanh thu (%)	9.59	18.1	3.00	3.00	3.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	8.42	30.8	(18.6)	8.73	6.16
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	4.50	32.3	(18.5)	7.64	6.01
Tăng trưởng EPS (%)	3.60	32.1	(18.1)	7.64	6.01
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	4.50	32.3	(18.5)	7.64	6.01
Tăng trưởng DPS (%)	(17.6)	(16.9)	51.7	(18.1)	7.64
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	104	65.3	121	92.0	93.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	23.5	31.1	24.1	25.7	27.1
ROACE (%)	21.4	28.5	21.6	23.3	24.7
Vòng quay tài sản (lần)	0.15	0.18	0.18	0.18	0.19
Tiềm mặt HĐ/EBIT (lần)	(0.05)	0.01	(0.04)	0.05	0.05
Số ngày tồn kho	156	137	146	146	146
Số ngày phải thu	381	324	373	373	373
Số ngày phải trả	34.5	35.1	33.2	33.2	33.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	0.07	2.95	0.84	5.38	2.96
Nợ/tài sản (%)	1.19	3.78	1.16	1.23	1.22
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.05	0.14	0.05	0.05	0.05
Chỉ số TT hiện thời (lần)	13.8	8.39	13.3	12.7	13.3
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	28.0	23.8	23.0	22.6	21.8
EV/EBITDA ĐC (lần)	20.2	15.6	19.0	17.7	16.6
P/E (lần)	8.80	6.66	8.13	7.56	7.13
P/E ĐC (lần)	8.82	6.66	8.17	7.59	7.16
P/B (lần)	2.14	2.01	1.91	1.97	1.90
Lợi suất cổ tức (%)	11.8	9.80	14.9	12.2	13.1

*Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.*
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH
Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)